

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Công ty TNHH Chế biến gỗ xuất khẩu Phúc Thịnh: số 22/2024/CV-PT ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và số 12/CV-PT/2025 ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất dăm gỗ xuất khẩu và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2582/TTr-STNMT ngày 09 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chế biến gỗ xuất khẩu Phúc Thịnh, địa chỉ: Thôn Đông An, phường Phong An, thị xã Phong Điền, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất dăm gỗ xuất khẩu” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất dăm gỗ xuất khẩu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Đông An, phường Phong An, thị xã Phong Điền, thành phố Huế.

1.3. Dự án Nhà máy sản xuất dăm gỗ xuất khẩu tại thôn Đông An, xã Phong An, huyện Phong Điền (nay là phường Phong An, thị xã Phong Điền) được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Huế) cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 3033/QĐ-UBND ngày 25/12/2015.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3301573803, cấp đăng ký lần đầu ngày 26/11/2015, thay đổi lần thứ 05: ngày 13/12/20213, do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Sở Tài chính thành phố Huế) cấp.

1.5. Mã số thuế: 3301573803.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dăm gỗ.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích khu đất: 54.000 m².

- Công suất: 40.000 tấn dăm gỗ/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các phương án yêu cầu bảo vệ môi trường đối với xử lý, giảm thiểu bụi phát sinh tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chế biến gỗ xuất khẩu Phúc Thịnh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh bụi, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công ty TNHH Chế biến gỗ xuất khẩu Phúc Thịnh;
- UBND thị xã Phong Điền;
- UBND phường Phong An;
- Cổng Thông tin điện tử UBND thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ 02 nhà vệ sinh tại văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm gỗ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nước thải phát sinh tại nhà máy được thu gom đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT). Nước thải sau xử lý được bơm (công suất bơm 0,4kW) theo ống HPDE D60 dài khoảng 150m dẫn ra mương nước tự nhiên phía Tây Nhà máy.

Theo đó, cơ sở có 01 dòng nước thải sau xử lý xả thải ra môi trường.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương nước tự nhiên phía Tây Nhà máy, thuộc phường Phong An, thị xã Phong Điền, thành phố Huế.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả nước thải: (Tọa độ VN-2000, KTT 107⁰, múi chiều 3⁰)

X (m): 1.830.033,44

Y (m): 545.233,03

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả nước thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày (24 giờ)

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Cường bức, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn, không liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn		Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
			Áp dụng đến hết ngày 31/12/2031 ⁽¹⁾	Áp dụng từ ngày 01/01/2032 ⁽²⁾		
1	pH	-	6 - 9	6 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Màu	Pt/Co	50	≤ 50		
3	BOD ₅	mg/l	32,4	≤ 40		
4	COD	mg/l	81	≤ 65		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54	≤ 40		
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4	≤ 1		
7	Amoni	mg/l	5,4	≤ 5		
8	Tổng N	mg/l	21,6	≤ 20		
9	Tổng P	mg/l	4,32	≤ 4		
10	Coliform	mg/l	3.000	≤ 3.000		

*** Chú thích:**

- (1): Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Giá trị C_{max} , cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$)

- (2) Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Công trình thu gom nước thải phát sinh

- Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt tắm rửa, vệ sinh của cán bộ công nhân viên tại 02 nhà vệ sinh tại văn phòng được dẫn theo ống uPVC D110 dài khoảng 120m dẫn về HTXLNT để xử lý.

1.1.2. Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa dăm gỗ được thu gom vào hệ thống thu gom bao quanh bãi chứa dăm gỗ, cụ thể như sau:

- Mương bê tông kích thước $D \times R \times C = 360m \times 0,3m \times 0,3m$.

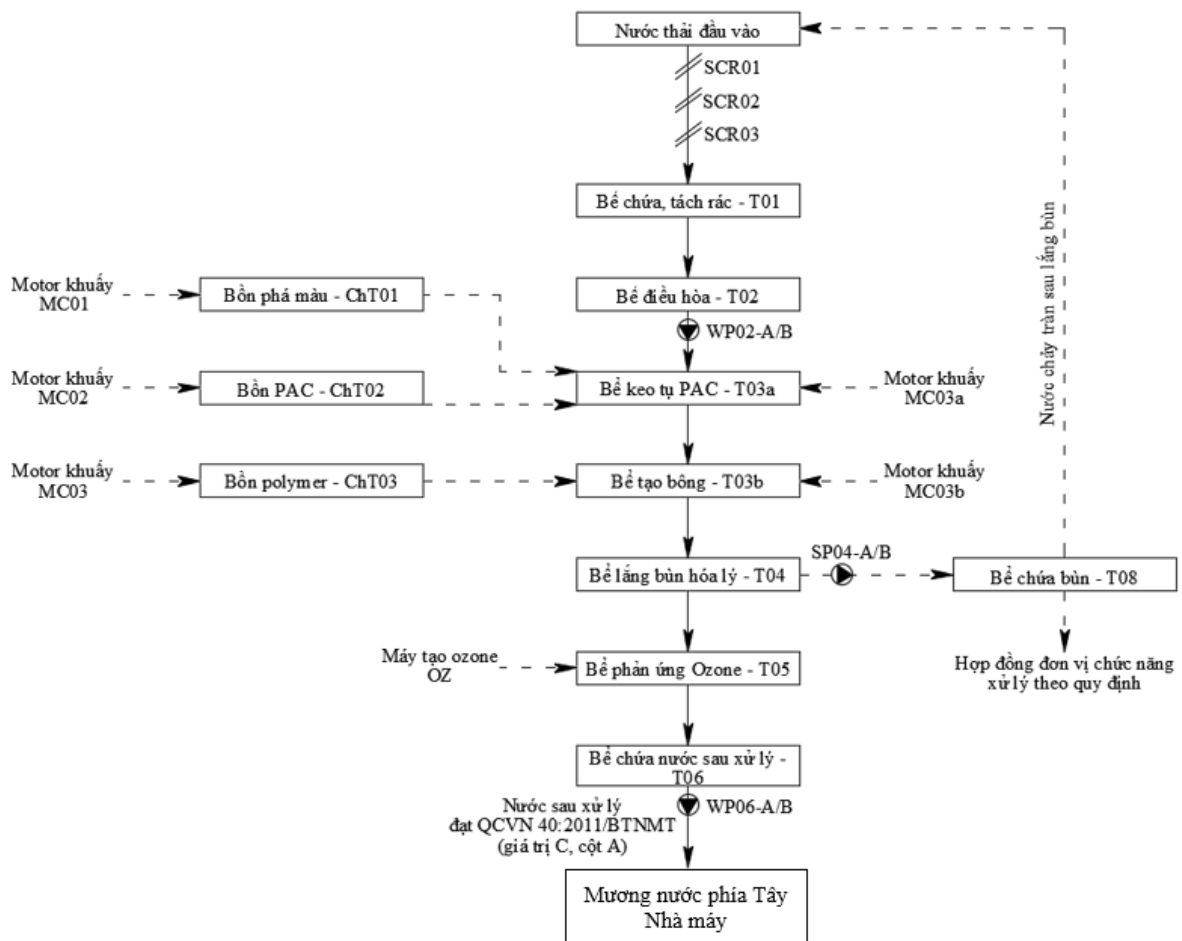
- Ống BTCT Ø600 dài khoảng 110m.

Nước thải từ bãi chứa dăm gỗ sau khi được thu gom vào hệ thống thu gom nêu trên được đầu nối vào mương bê tông kích thước $D \times R \times C = 40\text{m} \times 0,5\text{m} \times 0,5\text{m}$ sau đó đầu nối vào ống uPVC D300 dài khoảng 50m dẫn vào HTXLNT để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Toàn bộ nước thải tại cơ sở được thu gom về HTXLNT công suất $50\text{m}^3/\text{ngày}$ để xử lý. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Giá trị $C_{\max}$, cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$).

- Sơ đồ HTXLNT:



- Thông số kỹ thuật:

STT	Tên công trình	Kích thước (m) (DxRxH)	Thể tích (m ³)	Thời gian lưu (giờ)	Ghi chú
1	Bể chứa tách rác	37,76×3,35×3,46	503,42	105,8	Tính cho lưu lượng của nước thải bãi chứa

2	Bể điều hòa	5,0×3,8×3,46			dầm gỗ và nước thải sinh hoạt (115,7 m ³ /ngày)
3	Bể keo tụ	1,7×1,2×3,46	7,05	3,38	Tính cho công suất HTXLNT 50m ³ /ngày
4	Bể tạo bông	1,7×1,2×3,46	7,05	3,38	
5	Bể lắng bùn hóa lý	3,8×3,8×3,46	49,96	23,98	
6	Bể phản ứng ozone	1,7×1,0×3,46	5,88	2,82	
7	Bể chứa nước sau xử lý	1,7×1,0×3,46	5,88	2,82	
8	Bể chứa bùn	3,8×3,0×3,46	39,44	-	

- Khối lượng hóa chất sử dụng lớn nhất cho HTXLNT (chủ yếu vào mùa mưa):

+ PAC: 10 kg/tuần.

+ Polymer: 01 kg/tuần.

+ Hóa chất phá màu CMX05: 10 kg/tuần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

a. Trường hợp 1: Sự cố phao điều khiển bể điều hòa

- Bơm nước thải bể điều hòa hoạt động hoàn toàn tự động thông qua sự điều khiển của phao đặt bên trong bể. Trong trường hợp gặp sự cố phao không nhảy, bơm nước thải bể điều hòa không hoạt động.

- Biện pháp: Khi phát hiện sự cố, người vận hành cần tắt ngay aptomat bên trong tủ điện và sửa chữa phao nước thải xây dựng các hầm ga. Định kỳ nạo vét cặn lắng trong hầm ga trên toàn tuyến cống.

b. Trường hợp 2: Sự cố hỏng máy móc thiết bị

- Tủ điện điều khiển được thiết kế tự động ngắt khi các máy móc hoạt động quá nhiệt hoặc dòng điện không ổn định.

- Tuy nhiên, không tránh khỏi tình trạng ngoài ý đồ thiết kế dẫn đến cháy máy móc, thiết bị dẫn đến hệ thống xử lý không hoạt động. Người vận hành tắt automat bên trong tủ điện và gọi đơn vị thiết kế thi công tư vấn sửa chữa.

c. Trường hợp 3: Sự cố mất nguồn điện hoặc tủ điện không hoạt động

- Trong quá trình vận hành hệ thống không tránh khỏi việc sự cố về nguồn điện dẫn đến tủ điện không hoạt động, ta có một số nguyên nhân chính sau:

+ Cúp điện lưới

+ Nguồn đầu vào cơ sở bị hư

+ Một số thiết bị trong tủ có vấn đề dẫn đến automat tủ sập

- Cách khắc phục:

+ Đối với cúp điện lưới và nguồn vào cơ sở bị hư thì việc vận hành hệ thống điện đã có máy phát dự phòng tại cơ sở

+ Đối với thiết bị trong tủ có vấn đề người vận hành cần gọi đơn vị thiết kế thi công tư vấn sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: tối đa 06 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải:

STT	Vị trí	Thông số	Tần suất	Loại mẫu	QCVN so sánh
1	Đầu vào của HTXLNT	Lưu lượng, độ màu, pH, chất rắn lơ lửng, BOD ₅ , COD, Amoni, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform	01 đợt	Mẫu đơn	QCVN 40:2011/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Giá trị C _{max} , cột A, K _q =0,9, K _t =1,2)
2	Đầu ra của HTXLNT		03 đợt trong 03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng phải thực hiện đo đặc vào ngày tiếp theo)		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI: Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI GIẢM THIỂU BỤI:

Thực hiện đảm bảo các biện pháp sau:

1. Đối với bụi phát sinh tại bãi chứa dăm gỗ
 - Toàn bộ sân trong khu vực nhà máy được bê tông hóa.
 - Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để giảm thiểu mức độ phát tán bụi.
 - Sàng tuyển phân loại dăm có kích thước nhỏ để dễ kiểm soát mức độ phát tán bụi.
 - Tiến hành sản xuất đến đâu xuất khẩu đến đó tránh trường hợp tồn đọng sản phẩm tại bãi chứa nguyên liệu.
2. Bụi phát sinh từ quá trình bóc vỏ làm sạch nguyên liệu, băm gỗ
 - Trong quá trình thực hiện công nhân phun nước lên nguyên liệu để hạn chế bụi phát tán ra môi trường.
 - Trang bị trang bị bảo hộ lao động, khẩu trang cho công nhân.
3. Bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển
 - Các phương tiện vận chuyển nguyên liệu ra vào nhà máy và sản phẩm dăm gỗ về Cảng Chân Mây phải có giấy đăng kiểm, đảm bảo tình trạng kỹ thuật cho phép cũng như các tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn,...
 - Hợp đồng chủ phương tiện có điều kiện ràng buộc về chở đúng tải trọng cho phép và che chắn thùng xe tránh rơi vãi, vận chuyển theo đúng tuyến đường đã quy định.
 - Tiến hành tưới nước tại khu vực cổng ra vào, tuyến đường nội bộ trong những ngày nắng ráo để giảm thiểu bụi phát sinh.
4. Bụi phát sinh từ máy phát điện dự phòng:
 - Máy phát điện được bố trí cách ly tại khu vực nằm xa các khu văn phòng, nhà nghỉ, có xây tường bao quanh và có lót đệm chống rung động./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại khu vực sản xuất như: Máy băm, máy sàn, máy mài dao,... và từ máy móc tại hệ thống xử lý nước thải như: Máy bơm, motor,....

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong khuôn viên cơ sở.

STT	Tên mốc	Hệ tọa độ VN-2.000 (Kinh tuyến trực 107 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
1	1	1.830.153,81	545.197,44
2	2	1.830.202,67	545.370,68
3	3	1.829.914,16	545.452,69
4	4	1.829.865,69	545.279,34

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
QCVN 26:2010/BTNMT			
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) QCVN 27:2010/BTNMT		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

a. Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông:

- Áp dụng các biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các cần cẩu trực để bốc dỡ;

- Điều tiết các phương tiện giao thông ra vào cơ sở, hạn chế sử dụng còi trong khu vực nhà máy, tắt máy trong quá trình bốc dỡ cũng như chất sản phẩm lên xe;

- Các phương tiện vận chuyển được đăng kiểm theo định kỳ;

- Máy móc, thiết bị được kiểm tra vệ sinh, bảo trì và thay thế các chi tiết có nguy cơ hư hỏng gây ồn;

- Bố trí phân công thời gian làm việc hợp lý để đảm bảo thời gian tiếp xúc cho phép với nguồn phát sinh tiếng ồn, rung tại các khu vực làm việc.

b. Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời các loại máy móc, thiết bị;

- Lắp đặt các bộ phận giảm âm, lắp đặt đệm chống ồn, lò xo chống rung cho máy móc, thiết bị;

- Thường xuyên kiểm tra sự cân bằng của máy móc trong quá trình hoạt động, vận hành máy móc, thiết bị theo đúng kỹ thuật, kiểm tra độ mòn của các chi tiết và tra dầu bôi trơn thường kỳ;

- Cung cấp đầy đủ đồ bảo hộ lao động, bông nút tai cách âm cho công nhân khi làm việc cạnh các thiết bị có độ ồn cao;

- Tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân và có chế độ làm việc, bồi dưỡng thích hợp cho công nhân thường xuyên phải tiếp xúc trực tiếp với những nguồn phát sinh tiếng ồn;

- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở vừa tạo cảnh quan vừa giảm tiếng ồn đáng kể do các hoạt động của cơ sở.

c. Đối với tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện

- Bố trí khu vực riêng để máy phát điện, cách xa khu vực nhà điều hành;

- Lắp đặt đệm cao su cho máy phát điện để hạn chế tiếng ồn do rung lắc;

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực máy phát điện vừa tạo cảnh quan vừa giảm tiếng ồn đáng kể do các hoạt động của máy phát điện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	40	17 02 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	60	18 01 01
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	40	18 01 02
Tổng cộng			210	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng thực tế phát sinh trung bình khoảng: 3,5kg/ngày bao gồm: bao bì nilon, thức ăn thừa, hộp giấy...

1.3. Chất thải rắn thông thường phát sinh:

Bao gồm mùn cưa, vỏ cây, mùn dăm, mảnh thừa...từ quá trình sản xuất dăm gỗ. Khối lượng phát sinh (trung bình năm) được liệt kê tại bảng sau:

STT	Chất thải	Mã CTTT	Khối lượng
1	Mùn cưa, dăm vụn, sợi gỗ không đạt tiêu chuẩn.	09 01 02	1.000 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- Bố trí kho chứa CTNH diện tích khoảng 25m² tại phía Đông Bắc cơ sở có gắn tên, biển cảnh báo; có bảng hướng dẫn từng loại chất thải. Kho có mái che, nền tráng xi măng chống thấm có biển báo chứa chất thải nguy hại phát sinh

- Bố trí 06 thùng nhựa HDPE (kích thước: 240 lít/thùng) có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo CTNH đối với 06 loại CTNH phát sinh.

- Chủ cơ sở đã hợp đồng với công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế theo Hợp đồng số 17/2025/317/GPMT-BTNMT ngày 06/01/2025 để vận chuyển, xử lý CTNH phát sinh tại cơ sở.

- Đối với bùn thải tại hệ thống xử lý nước thải: Công ty hợp đồng với đơn vị chức năng để phân định mẫu bùn nhằm xác định có phải là CTNH hay không. Nếu bùn thải là CTNH sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Còn trường hợp bùn thải là chất thải rắn thông thường, Chủ cơ sở thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường. Toàn bộ lượng bùn trong bể chứa bùn định kỳ khoảng 01 năm/lần được nạo vét và hợp đồng đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đối với mùn cưa, dăm vụn, sợi gỗ không đạt tiêu chuẩn được tập kết tại bãi chứa dăm gỗ trong khu vực nhà máy rồi bán cho người dân tái sử dụng làm chất đốt hoặc bán cho bên cung cấp nguyên liệu gỗ của nhà máy vận chuyển về tái sử dụng. Tại khu vực tập kết này đã bố trí gờ chắn xung quanh và xung quanh bãi chứa dăm gỗ đã xây dựng mương thu gom nước mưa chảy tràn.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Tiến hành phân loại chất thải rắn (CTR) sinh hoạt:

+ Nhóm tái chế, tái sử dụng: giấy các loại, nhựa các loại, kim loại các loại, thủy tinh các loại.

+ Nhóm chất thải thực phẩm.

+ Nhóm chất thải còn lại (không bao gồm chất thải xây dựng và xác chết động vật nuôi)

- Bố trí 09 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt (kích thước: 240 lít/thùng, chất liệu: HDPE) gồm: 03 thùng ở văn phòng, 03 thùng ở nhà nghỉ công nhân, 03 thùng ở tuyến đường nội bộ.

+ Chất thải thực phẩm sau khi thu gom được Công ty cho người dân thu

gom làm thức ăn chăn nuôi.

+ Các nhóm CTR sinh hoạt còn lại: Định kỳ 3 ngày/lần, công nhân tại cơ sở thu gom đưa đến điểm tập kết chung của khu vực để đơn vị có chức năng thu gom. Hiện nay, trên địa bàn thị xã Phong Điền, phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã đã hợp đồng với Liên danh Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế và Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Môi trường Thừa Thiên Huế theo hợp đồng số 05/2024/HĐKT ngày 09/11/2024 để tiến hành thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt tại các điểm tập kết nằm tại các phường, xã.

- Quản lý CTR sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Hiện nay là thành phố Huế)..

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ

Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy (PCCC).

- Bố trí các phương tiện PCCC bao gồm:

+ Bình hơi, bình bột chống cháy cho cá nhân.

+ Hộp, dụng cụ cứu hỏa cho tất cả nhà xưởng.

+ Nguồn nước chữa cháy bao gồm đài nước và các họng nước cùng máy bơm cứu hỏa.

- Quy trình phòng chống và ứng cứu sự cố:

+ Huấn luyện thường xuyên cho công nhân và đội phòng chống sự cố của Nhà máy nhằm duy trì khả năng và giải quyết tại chỗ.

+ Tại các nơi chứa nhiên liệu dễ cháy, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng.

+ Các loại nhiên liệu dễ cháy được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

Cơ sở đã được Cảnh sát PCCC và TKCN tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Cảnh sát PCCC và TKCN thành phố Huế) cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1192/TD-PCCC ngày 21/6/2016

2. Sự cố tai nạn lao động

- Ban hành nội quy an toàn lao động tại Nhà máy.
- Kiểm tra công tác trang bị bảo hộ lao động và thiết bị y tế cho công nhân lao động trong các nhà máy.
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người lao động về các tác động đến sức khỏe và bệnh nghề nghiệp khi lao động trong môi trường công nghiệp và các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu.
- Yêu cầu các cán bộ công nhân lao động thực hiện mang đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.
- Thành lập tổ y tế của Nhà máy để ứng phó và giải quyết các sự cố lao động xảy ra.

3. Sự cố về sét

- Chủ cơ sở tổ chức hướng dẫn công nhân về việc phòng tránh các sự cố về sét như rút các hệ thống điện khi có hiện tượng mưa giông, sấm sét, tránh sử dụng các vật dụng bằng kim loại trong lúc có sét.
- Trang bị hệ thống chống sét tại các nhà xưởng, cột thu lôi lắp đặt tại vị trí cao nhất của công trình./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty TNHH Chế biến gỗ xuất khẩu Phúc Thịnh chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Trong quá trình hoạt động, nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, yêu cầu Công ty TNHH Chế biến gỗ xuất khẩu Phúc Thịnh phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn

bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.